

## **THÔNG BÁO RÚT KINH NGHIỆM** **Về việc nhận thức và áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự**

Qua công tác thực hành quyền công tố (THQCT) và kiểm sát xét xử phúc thẩm (KSXXPT) vụ án Nguyễn Bích Ngọc cùng đồng phạm phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, Viện THQCT & KSXXPT tại Hà Nội (VPT1) đã phát hiện một số vi phạm của cấp sơ thẩm, đã kiến nghị và được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm về các nội dung có liên quan. Viện phúc thẩm 1 xin nêu lên để rút kinh nghiệm chung.

### **1. Nội dung vụ án và phán quyết của Toà án hai cấp sơ thẩm và phúc thẩm:**

Trên cơ sở truy tố của VKSND tỉnh Q. trong các ngày từ ngày 03 đến ngày 20/01/2014, TAND tỉnh Q. đã mở phiên toà sơ thẩm, xét xử 89 bị cáo về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Số bị cáo này được phân nhóm thành 4 nhóm (4 đường dây) với những hành vi mua bán trái phép chất ma túy giữa các bị cáo trong cùng đường dây với nhau. Sau khi xét hỏi và tranh tụng, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân tỉnh Q. đã ra Bản án sơ thẩm số 06/2014/HSST ngày 20/01/2014, tuyên án 89 bị cáo với các tội danh “Mua bán trái phép chất ma túy; Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng; Tàng trữ trái phép chất ma túy; Làm môi giới hối lộ; Đưa hối lộ; Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Giả mạo trong công tác; Không tố giác tội phạm; Kinh doanh trái phép”; đồng thời, tuyên hình phạt đối với các bị cáo. Cụ thể như sau:

- Tuyên hình phạt tử hình đối với 30 bị cáo;
- Tuyên phạt tù chung thân đối với 13 bị cáo;
- Tuyên phạt tù 20 năm tù trở xuống đối với các bị cáo khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 30 bị cáo bị tuyên hình phạt tử hình đều có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt (không kêu oan). Có 7 bị cáo trong số các bị cáo bị

phạt tù chung thân kháng cáo nhưng đến khi mở phiên toà xét xử phúc thẩm, có 3 bị cáo rút đơn kháng cáo. Có 6 bị cáo bị phạt tù có thời hạn có đơn kháng cáo, trong đó có 01 bị cáo kêu oan.

Trong các ngày từ ngày 16 đến 19/6/2014, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Toà phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội đã tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án nêu trên.

Trên cơ sở 4 ngày xét hỏi và tranh tụng tại phiên toà, HĐXX phúc thẩm đã tuyên bác kháng cáo, y án sơ thẩm đối với 36 bị cáo, giảm hình phạt cho 3 bị cáo; trong đó y án về tội danh và hình phạt tử hình đối với 29 bị cáo bị Toà án sơ thẩm tuyên phạt tử hình; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 01 bị cáo do bị cáo tự nguyện rút đơn kháng cáo tại phiên toà.

## 2. Những vấn đề cần rút kinh nghiệm qua vụ án này:

Trong khoảng thời gian ngắn, các cơ quan tiền hành tố tụng cấp sơ thẩm của tỉnh Q. đã phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử 89 bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma tuý và một số tội danh khác; trong đó, có nhiều bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, mua bán ma tuý với số lượng rất lớn, thu lợi bất chính lớn; nhiều bị cáo phạm tội khi đã có một hoặc nhiều bản án về tội phạm ma tuý, thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, phạm tội có tổ chức; nhiều bị cáo tàng trữ vũ khí “nóng”, sẵn sàng chống trả các cơ quan chức năng; nhiều bị cáo có quan hệ với nhau là vợ chồng, mẹ con, cậu cháu, anh chị em ruột cùng phạm tội mua bán trái phép chất ma tuý... Ngoài một số bị cáo bị bắt quả tang, bắt khẩn cấp, thu giữ trực tiếp được một lượng các chất ma tuý tại nơi khám xét; phần lớn các chứng cứ để buộc tội là lời khai của các bị cáo. Tuy nhiên, các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã thận trọng trong thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ; xây dựng hồ sơ vụ án, đưa ra truy tố, xét xử và tuyên phạt 89 bị cáo, trong đó có 30 bị cáo bị phạt tử hình và 13 bị cáo bị phạt tù chung thân. Tất cả các bị cáo bị áp dụng các hình phạt nghiêm khắc sau khi xét xử sơ thẩm đều thừa nhận tội trạng của mình, không kêu oan. Đây là một thành công đáng ghi nhận của các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và các cán bộ tham gia giải quyết vụ án của các cơ quan tiền hành tố tụng tỉnh Q. Mặc dù vậy, trong quá trình truy tố, xét xử vụ án này cũng vẫn còn một số sai sót, tuy những sai sót này không làm thay đổi bản chất vụ án nhưng cũng cần phải chỉnh sửa, rút kinh nghiệm chung.

*Một là*, trong tổng số 89 bị cáo bị đưa ra xét xử sơ thẩm nói chung và 40 bị cáo có kháng cáo nói riêng; trên cơ sở xem xét hành vi phạm tội, cấp sơ thẩm

chia các bị cáo thành 4 đường dây phạm tội với những hành vi phạm tội của các bị cáo trong 4 đường dây về cơ bản là độc lập với nhau. Trong mỗi đường dây lại bao gồm các nhóm tội phạm khác nhau, tham gia với vai trò khác nhau. Có nhóm tội phạm có vai trò chủ mưu, chỉ huy, cầm đầu; có nhóm các bị cáo làm nhiệm vụ cảnh giới, dò đường; có nhóm bị cáo thực hiện hành vi mua bán ma túy với tư cách như đại lý cấp I, cấp II hoặc nhóm bán lẻ. Trong tổng thể vụ án, các bị cáo thực hiện tội phạm trong quan hệ đồng phạm với một số bị cáo cùng nhóm mà không biết các bị cáo ở những nhóm khác, ở đường dây khác. Viện kiểm sát cấp phúc thẩm nhận thấy các bị cáo đều phạm tội với tính chất đồng phạm; một số nhóm phạm tội với tính chất là phạm tội có tổ chức; tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm đã không áp dụng các Điều 20 và 53 BLHS với tất cả các bị cáo mà chỉ áp dụng các điều luật này với một số bị cáo khi cần xem xét việc giảm hình phạt cho bị cáo so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc nhận thức và áp dụng các Điều 20 và 53 BLHS như trên của Toà án cấp sơ thẩm, cho rằng chỉ áp dụng các Điều 20 và 53 BLHS cho bị cáo chỉ khi cần xem xét việc giảm hình phạt là nhận thức không đúng với qui định của BLHS. Đối với các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm (hoặc phạm tội có tổ chức) thì khi quyết định hình phạt, Toà án cần phải (bắt buộc) áp dụng các Điều 20 và 53 BLHS; trước hết là để xác định bị cáo tham gia phạm tội với vai trò gì trong đồng phạm (là người tổ chức, người thực hành, người xúi giục hoặc là người giúp sức); sau đó là trên cơ sở xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm, kết hợp với đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ với từng bị cáo để xem xét, quyết định áp dụng loại hình phạt, mức hình phạt (thậm chí là miễn hình phạt) đối với từng bị cáo cho phù hợp.

*Hai là*, trong vụ án này, có nhiều bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với hai hoặc nhiều chủng loại chất ma túy khác nhau như: Heroin, Kettamin, Methamphetamine. Trọng lượng của từng chất ma túy đều thoả mãn tình tiết định khung tại điểm b và điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS. Cụ thể như: Bị cáo Nguyễn Thị Hạnh mua bán 545 bánh heroin và 24208,861 gam Methamphetamine; bị cáo Nguyễn Thị Huệ mua bán 196 bánh heroin và 7201,194 gam Methamphetamine; bị cáo Đoàn Văn Việt mua bán 244 bánh heroin và 15000 gam Methamphetamine; bị cáo Nguyễn Trọng Bình mua bán 364 bánh Heroin và

15000 gam Methamphetamine.v.v. Các bị cáo này bị cấp sơ thẩm truy tố, xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo các điểm b và điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS. Điểm b khoản 4 Điều 194 BLHS qui định tình tiết “heroin có trọng lượng từ 100 gam trở lên”. Điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS qui định tình tiết “các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300 gam trở lên”. Việc VKS và Toà án cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo nêu trên theo các điểm b và điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS là không đúng qui định của Bộ luật hình sự và Thông tư số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn áp dụng một số qui định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999. Theo qui định của BLHS và Thông tư liên tịch số 17 thì hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên phải bị truy tố, xét xử theo điểm h khoản 4 Điều 194 BLHS, thuộc trường hợp “Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy qui định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản 4 Điều này”.

*Ba là*, trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy đều nhằm thu lợi bất chính từ khoản tiền chênh lệch khi mua bán chất ma túy hoặc để được hưởng tiền công vận chuyển, mua bán. Ngoài phần quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm còn áp dụng các Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật TTHS để tuyên buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền đã thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên, trong phần nhận xét, đánh giá cũng như phần quyết định của Bản án sơ thẩm lại nhận định và cho rằng đây là trách nhiệm dân sự mà các bị cáo phải thực hiện. Cũng do Bản án sơ thẩm nhận xét và quyết định như vậy nên một số bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã đề nghị xin cho bị cáo được miễn phải nộp khoản tiền này vì lý do gia đình bị cáo có khó khăn về kinh tế. Việc Toà án cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng, các khoản tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo có nghĩa vụ phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước là trách nhiệm dân sự của các bị cáo là không đúng qui định của Bộ luật hình sự và Bộ luật TTHS. Về bản chất, các khoản tiền này là vật chứng, thuộc trường hợp tài sản do phạm tội mà có, phải bị (bắt buộc) tịch thu và sung quỹ nhà nước. Do vậy, các kháng cáo đề nghị của bị cáo và Luật sư bào chữa về việc cho các bị cáo

được miễn không phải thu nộp các khoản tiền này vì hoàn cảnh khó khăn đều không có cơ sở, không thể chấp nhận.

Trên cơ sở quan điểm của Kiểm sát viên VKSNDTC thực hành quyền công tố tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm; ngoài việc giảm hình phạt cho 03 bị cáo, đã sửa bản án sơ thẩm trong việc áp dụng tình tiết định khung tại điểm h khoản 4 Điều 194 BLHS đối với một số bị cáo; tuyên áp dụng các Điều 20 và Điều 53 BLHS với tất cả các bị cáo; sửa phần nhận định và quyết định về trách nhiệm dân sự của các bị cáo trong việc bị truy thu và sung quỹ nhà nước khoản tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Trên đây là một số vi phạm về việc nhận thức và áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự qua việc giải quyết vụ án, Viện phúc thẩm 1 xin nêu lên để Viện kiểm sát các địa phương tham khảo, rút kinh nghiệm chung trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự./.

**Nơi nhận:**

- Đồng chí Viện trưởng (đề b/c);
- Đồng chí Lê Hữu Thế, PVT (đề b/c);
- VKSND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VKSQSTW;
- VPT2, 3, V1C, V3;
- Phòng TH-VKSTC;
- Lưu: VT, VPT1.

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO  
VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN THOCT VÀ KSXXTP TẠI HN**



**Nguyễn Văn Nông**

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
Bình Phước, ngày 28 tháng 7 năm 2014

Số : 171/SY

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nơi nhận:**

- L/đ Viên(đ/c: Phong);
- Phòng 1a;
- VKS 10 huyện thị;
- Bộ phận CNTT;
- Lưu: VT (13b)



**Phạm Thị Bích Thủy**